TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2021/DSST
Ngày: 19/11/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo
Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-DS ngày 04.5.2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS ngày 03/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-DS, ngày 04/10/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 75/2021QĐST-DS, ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; Địa chỉ: Tòa nhà T số 412 đường K, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn H, theo văn bản ủy quyền số 398/2021/UQ-BVB ngày 28/10/2021, địa chỉ liên lạc: Số 267-269 Nguyễn Văn L, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (ông H có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Phan Kỳ L, sinh năm 1984 và bà Đỗ Hà M, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: K20/4 đường N, tổ 46 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (ông L và bà M đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngân hàng TMCP B có ký với ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: 0497/04618/TCTT-CN ngày 14/6/2018 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);
- Thời hạn vay: 04 năm, kể từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/6/2022;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân 21%/năm. Lãi suất từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 14%/năm. Lãi suất của toàn bộ số nợ vay phát sinh

sẽ do Ngân hàng B quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, kể từ tháng thứ 13 trở đi. Thời hạn trả lãi vay định kỳ 1 tháng/lần; trả nợ gốc đều vào ngày 21, định kỳ 1 tháng/lần, nợ gốc và lãi góp đều hàng tháng, kỳ trả nợ gốc lãi đầu tiên vào ngày 21/7/2018.

Trong quá trình vay vốn, ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M đã trả được số tiền nợ gốc 104.090.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 15/6/2020. Kể từ ngày 16/6/2020 cho đến ngày hôm nay 19/11/2021 ông L và bà M không trả bất kỳ khoản nợ nào mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ông L, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Tính đến ngày 19/11/2021, ông L và bà M còn nợ Ngân hàng các khoản gồm: Tiền gốc 99.920.000đ, tiền lãi 38.807.737đ; trong đó lãi trong hạn 21.284.009đ; lãi quá hạn 15.839.716đ; lãi phạt chậm trả lãi 1.684.012đ. Tổng cộng: 138.727.737đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà M phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M, mặc dù Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng ông L và bà M vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà M.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: 0497/04618/TCTT - CN ngày 14/6/2018, Ngân hàng TMCP B cho ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M vay số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân 21%/năm, lãi suất từ tháng 13 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất tiền gửi tiết kiện VNĐ, kỳ hạn 13 tháng, tính lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 14%/năm. Thời hạn trả lãi và gốc góp đều hàng tháng, định kỳ 1 tháng/lần, thời gian trả vào ngày 21 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 21/7/2018. Quá trình thực hiện Hợp đồng đến ngày 15/6/2020 ông L, bà M đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 104.090.000đ và tiền lãi phát sinh. Kể từ ngày 16/6/2020 cho đến nay 19/11/2021 ông L bà M không trả bất kỳ khoản nợ nào.

Hiện tại ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 99.920.000đ; tiền lãi 38.807.737đ, trong đó lãi trong hạn 21.284.009đ; lãi quá hạn 15.839.716đ; lãi phạt chậm trả lãi 1.684.012đ. Tổng cộng: 138.727.737đ.

[3] Đã nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông L và bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: 0497/04618/TCTT-CN ngày 14/6/2018. Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: 0497/04618/TCTT-CN ngày 14/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Lê Phan Kỳ L, bà Đỗ Hà M là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà M đã nhận đủ số tiền là 200.000.000đ và đến ngày 15/6/2020 đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 104.090.000đ và tiền lãi phát sinh. Kể từ ngày 16/6/2020 cho đến nay 19/11/2021 ông L bà M không trả bất kỳ khoản nợ nào, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhỡ.

Đối với tiền lãi, kể từ tháng 13 trở đi Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiện VNĐ, kỳ hạn 13 tháng, tính lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 14%/năm là 22,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 33.75%/năm, lãi phạt chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016, ngày 30/12/2016, quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, ông L, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm khoản 7 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền: 138.727.737đ; trong đó tiền gốc 99.920.000đ; trong đó lãi trong hạn 21.284.009đ; lãi quá hạn 15.839.716đ; lãi phạt chậm trả lãi 1.684.012đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 138.727.737đ x 5% = 6.936.386đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M

Xử: Buộc ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M phải trả cho Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền: 138.727.737đ (Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng); trong đó tiền gốc 99.920.000đ; lãi trong hạn 21.284.009đ; lãi quá hạn 15.839.716đ; lãi phạt chậm trả lãi 1.684.012đ (lãi tính đến ngày 19/11/2021).

Ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP B kể từ ngày 20/11/2021 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 0497/04618/TCTT-CN ngày 14/6/2018 đã ký với Ngân hàng TMCP B cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 6.936.386đ (Sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng) ông Lê Phan Kỳ L và bà Đỗ Hà M phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 2.933.422 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009186 ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hằng